

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 21/01/2019

V/v: Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Ông Ong Văn Chúc: Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXX- ST ngày 25 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Anh Nguyễn Văn B**, sinh năm 1986(có mặt).

Địa chỉ: thôn Vân Cẩm, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: **Chị Trần Thị P**, sinh năm 1990 ( có mặt)

HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh B

Nơi ở hiện tại: thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh B

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn xin ly hôn ngày 20/02/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn (anh Nguyễn Văn B) trình bày:* anh và chị Trần Thị P kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 23/9/2009. Sau khi kết hôn, chị P về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu B thường, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P đi làm công nhân ở Công ty không thường xuyên về gia đình chăm sóc con cái nên vợ chồng hay cãi nhau. Chị P bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị P không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

*Bị đơn (chị Trần Thị P) trình bày:* chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ như anh B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh B làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc chị xác định từ khi kết hôn đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không thể có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không bên nào quan tâm đến bên nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, anh B có đơn xin ly hôn chị đồng ý. Hiện chị không có thai.

*Về con chung:* Anh B và chị P đều xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/6/2010 và Nguyễn Thành G, sinh ngày 12/5/2012, hiện cả hai con đều đang ở với anh B và phát triển bình thường. Ly hôn, anh B và chị P đều đề nghị được nuôi cả hai con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* Anh B và chị P đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2017 của anh Nguyễn Văn B đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

*Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh B thấy rằng:* Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: vợ chồng anh B, chị P từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và sớm phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, chị đi làm công nhân ở Công ty không thường xuyên về gia đình chăm sóc con cái nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, do vậy từ năm 2014 anh B và chị P đã sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Việc anh B có đơn xin ly hôn chị P cũng đồng ý do xác định tình cảm vợ chồng không còn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị P đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh B và chị P được ly hôn là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh B cần được chấp nhận và cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh B và chị P.

*Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Anh B và chị P đều xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/6/2010 và Nguyễn Thành G, sinh ngày 12/5/2012, hiện cả hai con đều đang ở với anh B và phát triển bình thường.

Ly hôn, anh B và chị P đều đề nghị được nuôi cả hai con chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: điều kiện để chăm lo, nuôi dạy được cả hai con chung của anh B và chị P là khó khăn bởi lẽ: qua làm việc với địa P xác nhận hiện anh B làm nghề tự do lúc thì đi làm thợ xây theo công trình lúc thì đi nấu cỗ thuê, không cố định nơi làm việc cụ thể, chị P làm nghề bán hàng tự do ở Bắc Ninh địa chỉ và mức thu nhập cụ thể địa P không nắm được. Mặc dù cả anh B và chị P đều đi làm và đều có thu nhập tuy nhiên cả hai bên đều không thường xuyên ở nhà do vậy ít có đầy đủ điều kiện về thời gian, vật chất để chăm lo cho cả hai con đầy đủ được. Mặt khác, hiện nay cháu Nguyễn Thành G tuổi còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nhiều hơn, cháu Nguyễn Văn Q cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng với anh B. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con để cho các cháu có đủ điều kiện phát triển toàn diện tốt nhất, cần giao cháu Nguyễn Thành G, sinh ngày 12/5/2012 cho anh Nguyễn Văn B nuôi dưỡng, chị Trần Thị P nuôi cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/6/2010 là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi cả hai con chung của anh B, chị P không được chấp nhận. Anh B, chị P được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Xét yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của hai bên thấy rằng:* Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, cả anh B và chị P đều xác định đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy yêu cầu này của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

*Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* anh B và chị P đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị P.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/6/2010, chị Trần Thị P trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thành G, sinh ngày 12/5/2012. Chị P, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị P, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: anh B và chị P đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001005 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị P.

*Về con chung:* Giao anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/6/2010, chị Trần Thị P trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thành G, sinh ngày 12/5/2012. Chị P, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị P, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về án phí:* Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001005 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa***

**Nguyễn Xuân Toàn**